BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1640 /QĐ-BGTVT	*Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công trình nạo vét đảm bảo giao thông Km358+500 đến Km361+273 sông Hồng - ghềnh Vật Lợn

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/2/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công trình nạo vét đảm bảo giao thông Km358+500 đến Km361+273 sông Hồng - ghềnh Vật Lợn họp ngày 18/8/2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công trình nạo vét đảm bảo giao thông Km358+500 đến Km361+273 sông Hồng - ghềnh Vật Lợn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 1927/CĐTNĐ-KHCN-HTQT&MT ngày 30/8/2021 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công trình nạo vét đảm bảo giao thông Km358+500 đến Km361+273 sông Hồng - ghềnh Vật Lợn (sau đây gọi là Dự án) của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam

(sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Bàn giao khối lượng chất nạo vét tại bãi chứa cho Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái để quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Vụ Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra sự tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Môi trường, Kết cấu hạ tầng giao thông; Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh Yên Bái;
- Sở TN&MT tỉnh Yên Bái;
- Cổng TTĐT Bộ GTVT (để đăng tải);
- Lưu: VT, MT_{NTT}.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Nguyễn Xuân Sang

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TRÌNH NẠO VÉT ĐẢM BẢO GIAO THÔNG KM358+500 ĐẾN KM361+273 SÔNG HỒNG - GHỀNH VẬT LỢN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

a) Tên dự án

Công trình nạo vét đảm bảo giao thông Km358+500 đến Km361+273 sông Hồng - ghềnh Vật Lợn.

b) Chủ dự án

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam

- Địa chỉ liên hệ: Số 5 Tôn Thất Thuyết, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

- Điện thoại: 0243.9421887 Fax: 0243.942.7888

c) Địa điểm thực hiện

Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

1.2. Phạm vi, quy mô thực hiện; các hạng mục công trình

a) Luồng đường thủy nội địa Km359+175 đến Km361+273 sông Hồng - ghềnh Vật Lợn

- Chuẩn tắc luồng:

+ Chiều rộng luồng: B = 41 m

+ Cao độ đáy luồng: H = 19,9m ÷20,10m (*Hệ độ cao Nhà nước*).

+ Mái dốc: m = 5

- Tổng chiều dài nạo vét là 2,098 km từ Km359+175 đến Km361+273.

Tọa độ tim tuyến luồng khu vực nạo vét như sau:

Bảng 1. Tọa độ các điểm giới hạn khu vực nạo vét

STT	Lý trình nạo vét	Tọa độ tim luồng	
		X(m)	Y(m)
1	Km359+311	2.391.626,41	515.840,65
2	Km359+320	2.391.629,58	515.832,22
3	Km359+340	2.391.635,98	515.813,27
4	Km359+360	2.391.641,10	515.793,94
5	Km359+369	2.391.643,12	515.785,17
6	Km359+388	2.391.646,19	515.766,42

STT	Lý trình nạo vét	Tọa độ tim luồng	
		X(m)	Y(m)
7	Km359+400	2.391.647,49	515.754,48
8	Km359+420	2.391.649,71	515.734,61
9	Km359+440	2.391.651,92	515.714,73
10	Km359+460	2.391.654,14	515.694,86
11	Km359+480	2.391.656,36	515.674,98
12	Km359+500	2.391.658,87	515.655,14
13	Km359+520	2.391.662,76	515.635,53
14	Km359+527	2.391.664,39	515.628,72
15	Km359+550	2.391.671,17	515.606,73
16	Km359+560	2.391.674,92	515.597,46
17	Km359+580	2.391.683,12	515.579,22
18	Km359+600	2.391.692,67	515.561,65
19	Km359+620	2.391.703,51	515.544,85
20	Km361+127	2.392.968,65	516.075,31
21	Km361+140	2.392.978,06	516.084,28
22	Km361+160	2.392.992,53	516.098,07
23	Km361+180	2.393.007,01	516.111,87
24	Km361+200	2.393.021,49	516.125,67
25	Km361+220	2.393.035,97	516.139,47
26	Km361+240	2.393.050,45	516.153,27
27	Km361+260	2.393.064,92	516.167,07
28	Km361+273	2.393.074,34	516.176,04

Ghi chú: Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $104^0 45'$ múi chiếu 03^0.

- Tổng khối lượng nạo vét là: 4.264,3 m^3

b) Bãi chứa chất nạo vét

Bãi chứa chất nạo vét thuộc địa phận thôn Đức Quân, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái và đã được UBND tỉnh Yên Bái chấp thuận tại Công văn số 1955/UBND-TNMT ngày 22/6/2021. Bãi chứa chất nạo vét là 04 ao, sâu trung bình khoảng 3,1m so với mặt đất xung quanh, tổng diện tích khoảng 8.940 m^2 với sức chứa khoảng 27.714 m^3, nên không cần đắp bờ bao bãi chứa.

Bảng 2. Tọa độ các điểm giới hạn bãi chứa

TT	Tên điểm	Tọa độ VN2000		Ghi chú
		X(m)	Y(m)	
1	B1	2.393.703,40	516.476,63	Khống chế bãi chứa
2	B2	2.393.645,14	516.500,36	Khống chế bãi chứa
3	B3	2.393.672,35	516.536,89	Khống chế bãi chứa

TT	Tên điểm	Tọa độ VN2000		Ghi chú
		X(m)	Y(m)	
4	B4	2.393.664,03	516.565,75	Khống chế bãi chứa
5	B5	2.393.591,37	516.599,03	Khống chế bãi chứa
6	B6	2.393.593,61	516.510,29	Khống chế bãi chứa
7	B7	2.393.572,16	516.493,30	Khống chế bãi chứa
8	B8	2.393.568,64	516.458,04	Khống chế bãi chứa
9	B9	2.393.555,69	516.421,51	Khống chế bãi chứa
10	B10	2.393.648,38	516.452,61	Khống chế bãi chứa

1.3. Công nghệ thi công công trình

Thi công nạo vét bằng 01 máy đào gầu dây (xáng cạp) dung tích gầu 2,3 m^3 đưa chất nạo vét lên 02 sà lan 300 tấn, vận chuyển trung bình với khoảng cách từ 0,8 km đến 1,2 km; sử dụng 01 tàu hút phun 585 CV; cự ly phun 1,3 km bơm hút trực tiếp chất nạo vét từ sà lan đưa lên bãi chứa.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Bảng 3. Các tác động môi trường chính của dự án

TT	Hoạt động của dự án	Các tác động môi trường chính của dự án
1	Thi công nạo vét tuyến luồng	- Thay đổi chất lượng môi trường nước mặt khu vực nạo vét do: (1) Hoạt động nạo vét của các phương tiện, thiết bị thi công; (2) Nước tràn từ khoang chứa của sà lan; (3) Nước thải sinh hoạt của công nhân. - Thay đổi chất lượng môi trường không khí do bụi và khí thải (CO, SO_2, NO_2) phát sinh trong hoạt động của phương tiện, thiết bị tham gia thi công. - Phát sinh CTR thông thường, CTR từ chất nạo vét, CTNH trong quá trình thi công. - Phát sinh tiếng ồn từ hoạt động của phương tiện, thiết bị tham gia thi công. - Nguy cơ sạt lở đường bờ. - Sự cố vỡ, rò rỉ đường ống; sự cố tràn dầu, rò rỉ nhiên liệu.v.v.
2	Vận chuyển chất nạo vét từ khu vực nạo vét đến vị trí gần khu vực bãi đổ	
3	Bơm chuyển chất nạo vét lên bãi chứa	

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt chứa các chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ và các vi

sinh vật phát sinh trong khoảng 12 ngày thi công nạo vét tuyến ghềnh (khoảng 60 cán bộ, công nhân trên các phương tiện tham gia thi công với lượng nước thải là 4,2 m^3/ngày đêm).

b) Nước tràn từ khoang chứa chất nạo vét của các sà lan

Nước tràn từ khoang chứa chất nạo vét của các sà lan có nồng độ chất rắn lơ lửng cao có thể phát sinh trong khoảng 12 ngày thi công trên phạm vi tuyến nạo vét, vận chuyển.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải (SO_2, NO_2, CO) phát sinh từ đốt khoảng 2.561 lít dầu DO/ngày của các phương tiện thi công trong 12 ngày thi công trên phạm vi dọc tuyến thi công nạo vét, vận chuyển và bơm chất nạo vét lên bãi chứa.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong khoảng 12 ngày thi công nạo vét tuyến ghềnh (khoảng 60 cán bộ, công nhân trên các phương tiện tham gia thi công với khối lượng phát sinh khoảng 78 kg/ngày).

Chất thải rắn phát sinh thi công từ chất nạo vét của dự án (bao bì, phế liệu, rác thải nhựa…) khoảng 20 kg.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại (chủ yếu là: dầu thải; nước lẫn dầu; giẻ lau dính dầu) phát sinh trong 12 ngày thi công do rò rỉ nhiên liệu, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện tham gia thi công với khối lượng phát sinh phụ thuộc vào tình trạng kỹ thuật, chu kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

- Nước sinh hoạt phát sinh trên các phương tiện thi công:

+ Đối với nước thải từ quá trình tắm giặt, rửa tay, ăn uống: thu gom riêng, lọc tách rác trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; rác sau khi tách phải được thu gom, lưu giữ, xử lý.

+ Đối với nước thải vệ sinh: Phương tiện tham gia thi công được trang bị đầy đủ nhà vệ sinh, két chứa nước thải theo đúng tiêu chuẩn trên phương tiện thi công thủy nội địa theo quy định của QCVN 17:2011/BGTVT/SĐ2:2016.

+ Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công không phóng uế bừa bãi, không thải trực tiếp nước thải ra môi trường xung quanh.

b) Nước tràn từ khoang chứa chất nạo vét của các sà lan

- Sử dụng phương tiện máy đào gầu dây và sà lan vận chuyển chất nạo vét đúng số lượng, chủng loại, dung tích, công suất được duyệt.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công tuân thủ trọng tải của sà lan, di chuyển đúng lộ trình đến khu vực hút phun lên bãi chứa chất nạo vét.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

Phương tiện, thiết bị, máy móc sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được cơ quan chức năng kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng thiết bị theo quy định.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Phương tiện thủy tham gia thi công được bố trí thùng chứa và được kiểm tra, chứng nhận về phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của QCVN 17:2011/BGTVT/SĐ2:2016.

- Trang bị 01 thùng chứa loại 120 lít trên mỗi sà lan vận chuyển để chứa chất thải rắn tách ra từ bùn nạo vét.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công có trách nhiệm thu gom chất thải vào thùng đựng trên phương tiện; không xả chất thải ra môi trường xung quanh.

- Lưu giữ tạm thời chất thải trên phương tiện; định kỳ 02-03 ngày/lần thực hiện chuyển giao, lập biên bản bàn giao chất thải cho đơn vị có chức năng trên địa bàn thi công công trình để thu gom, vận chuyển, xử lý phù hợp với quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Đối với dầu thải, nước lẫn dầu: Phương tiện thủy tham gia thi công được bố trí thùng chứa, két chứa và được kiểm tra, chứng nhận về phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của QCVN 17:2011/BGTVT/SĐ2:2016.

- Đối với giẻ lau dính dầu: Trang bị 01 thùng chứa chuyên dụng loại 60 lít màu đen hoặc màu vàng trên từng phương tiện thủy tham gia thi công; dán nhãn cảnh báo tiêu chuẩn theo quy định và bố trí thùng chứa tại vị trí có mái che.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công có trách nhiệm lưu giữ chất thải nguy hại trong thùng chứa, két chứa trên phương tiện; không thải chất thải nguy hại ra môi trường xung quanh.

- Lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trên phương tiện; thực hiện chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

3.5. Các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn

- Phương tiện thủy và thiết bị, máy móc sử dụng trong thi công đúng số

lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Tuân thủ biện pháp tổ chức thi công theo thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.

- Trang bị bảo hộ lao động cá nhân giảm ồn cho công nhân vận hành phương tiện, máy móc, thiết bị thi công theo quy định.

3.6. Các công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố tràn dầu

- Tuân thủ phương án bảo đảm an toàn đường thủy nội địa trong thi công công trình.

- Phương tiện thủy tham gia thi công có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định tại Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; bố trí gờ quây gom dầu cho két chứa, máy, thiết bị, khu vực bảo dưỡng, .v.v. có sử dụng/phát sinh dầu trên mặt boong phương tiện.

- Liên hệ với đơn vị có chức năng để phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu khi có sự cố xảy ra.

b) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sạt lở đường bờ

- Sử dụng tàu hút phun, máy đào gầu dây, sà lan và tàu kéo đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt.

- Phối hợp với chính quyền địa phương giám sát đúng phạm vi, cao độ thi công và khối lượng nạo vét.

- Giám sát đường bờ về phía xã Minh Quân trên đoạn tuyến nạo vét trước khi thi công và trong suốt thời gian thi công. Trường hợp xảy ra sạt lở hoặc tiềm ẩn nguy cơ sạt lở phải dừng thi công và phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng liên quan có biện pháp khắc phục phù hợp.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Chủ dự án quản lý công tác bảo vệ môi trường của dự án thông qua:

a) Quy định trách nhiệm của nhà thầu thi công tuân thủ thực hiện các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường nêu tại mục 3 Phụ lục này trong hợp đồng thi công dự án;

b) Thuê tổ chức tư vấn độc lập giám sát, đôn đốc nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong suốt thời gian thi công dự án;

c) Hướng dẫn, phổ biến công tác bảo vệ môi trường của dự án tới cán bộ, công nhân tham gia thi công; hàng tuần kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ môi

trường của nhà thầu thi công và lập, lưu trữ biên bản đánh giá theo quy định của Thông tư số 32/2015/TT-BGTVT.

Chi tiết chương trình quản lý môi trường của chủ dự án tại mục 4.1 Chương 4 của Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được duyệt.

4.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án

a) Giám sát nước thải

- Nội dung giám sát: Giám sát việc tuân thủ thực hiện các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải nêu tại mục 3.1.

- Vị trí giám sát: Trên các phương tiện thủy tham gia thi công.

- Đơn vị chịu trách nhiệm giám sát: Tư vấn giám sát thi công.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày trong suốt thời gian thi công công trình.

- Tần suất báo cáo: 01 tuần/lần

b) Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại phát sinh và việc tuân thủ thực hiện các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nêu tại mục 3.3 và 3.4.

- Vị trí giám sát: Trên các phương tiện thủy tham gia thi công.

- Đơn vị chịu trách nhiệm giám sát: Tư vấn giám sát thi công.

- Tần suất: Hàng ngày trong suốt thời gian thi công công trình.

- Tần suất báo cáo: 01 tuần/lần

c) Giám sát chất nạo vét

- Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng chất nạo vét.

- Vị trí giám sát: Trên các phương tiện tham gia thi công và vị trí tiếp nhận chất nạo vét.

- Đơn vị chịu trách nhiệm giám sát: Tư vấn giám sát thi công.

- Tần suất: hàng ngày trong thời gian thi công.

- Tần suất báo cáo: 01 tuần/lần

d) Giám sát ổn định đường bờ

- Nội dung giám sát: Quan sát tình trạng đường bờ dọc tuyến luồng trước khi thi công và trong suốt quá trình thi công; chụp ảnh những vị trí tiềm ẩn nguy cơ sạt lở và các biến động, thay đổi bất thường của đường bờ.

- Vị trí giám sát: bờ tuyến ghềnh đoạn tuyến nạo vét về phía quốc lộ 32C.

- Đơn vị chịu trách nhiệm giám sát: Tư vấn giám sát thi công.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong suốt quá trình chuẩn bị thi công và thi công nạo vét; khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường./.